

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 04 tháng 05 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	268	5,360,000
Được chi trong ngày					5,360,000
Đã chi trong ngày					5,360,000
1. Dịch vụ					402,000
1	chất đốt		1,500	268	402,000
2. Kho					1,239,620
 Ăn chính					1,239,620
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	20.3	314,650
2	Đậu đen	Kg	69,000	4	276,000
3	Dầu lạc	Kg	120,000	1.4	168,000
4	Đường kính	Kg	32,500	5.5	178,750
5	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.4	29,600
6	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
7	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.41	25,420
8	Dầu simply	Lít	68,000	3.4	231,200
3. Đi chợ					3,718,380
 Ăn chính					3,718,380
1	Đậu xanh	Kg	50,000	1	50,000
2	Cà chua	Kg	20,000	3	60,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	3	75,000
4	Giá đậu xanh	Kg	18,000	10.5	189,000
5	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.3	10,500
6	Rau mùi tàu	Kg	1,000	0.68	680
7	Rau mồng tơi	Kg	20,000	4.6	92,000
8	Thịt bò loại I	Kg	240,000	8.6	2,064,000
9	Thịt gà ta	Kg	130,000	2	260,000
10	Tôm biển	Kg	170,000	2	340,000
11	Đậu Phụ	Kg	25,000	10	250,000
12	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
13	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000
14	Gia vị bò kho sốt vang	Gói	7,000	4	28,000
15	Gừng tươi	Kg	40,000	0.1	4,000
16	Lá chanh	Kg	1,000	0.2	200
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

